

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1858/2025/DS-ST
Ngày: 30-9-2025
V/v “T/c hợp đồng Tín dụng”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Trần Thị Long

2/ Ông Phạm Văn Chính

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ Trân - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8-Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8-Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 713/2024/TLST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 583/2025/QĐXX-DS ngày 22 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 536/2025/QĐST-DS ngày 13 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (Ngân hàng TMCP S)

Địa chỉ trụ sở: 266-268 Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Nay là phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Đức Thạch D-Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền là ông Vũ Minh Q-chức vụ: Giám đốc Trung tâm xử lý nợ S (Giấy ủy quyền số 1439/2024/GUQ-PC ngày 22/5/2024), ông Quân ủy quyền cho bà Lê Thị Thu H-chức vụ Phó giám đốc xử lý nợ S, giấy ủy quyền số 1439A/2024/GUQ-PC ngày 22/5/2024.

Người được ủy quyền lại là ông Nguyễn Mạnh C, sinh năm 1977-chức vụ: chuyên viên thu hồi nợ và thanh lý tài sản (Giấy ủy quyền số 2040/2024/UQ-TT.XLN ngày 06/11/2024) (có đơn xin vắng mặt). Địa chỉ liên lạc: 266-268 Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Ông Lê Tuấn A, sinh ngày 06/02/1994 (vắng mặt).

Số CCCD 052094008757 cấp ngày 12/02/2023, Cục CSQLHC về TTXH

Thường trú: 77/7 Khu phố 3, Thị trấn Hóc Môn, huyện Hóc Môn, nay là xã Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 8 năm 2024 của nguyên đơn và người đại diện ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Mạnh C trình bày:

Ngày 22/11/2019, ông Lê Tuấn A có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông Tuấn A, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng số thẻ 436438-0925 với hạn mức sử dụng là 60.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông Lê Tuấn A đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 1.012.493.030 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông Lê Tuấn A đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 993.936.810 đồng (thứ tự thanh toán căn cứ Điều 21 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Tuy nhiên, ông Lê Tuấn A vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nhiều lần Ngân hàng có thông báo nhắc nợ nhưng ông Lê Tuấn A vẫn không thực hiện. Đến ngày 26/10/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của Bản điều khoản). Tính đến ngày 08/8/2024 ông Lê Tuấn A còn nợ các khoản:

Dư nợ gốc: 67.479.094 đồng; Lãi quá hạn: 24.117.696 đồng; Tổng cộng: 91.596.790 đồng.

Mặc dù, Ngân hàng đã thường xuyên nhiều lần thông báo cho ông Lê Tuấn A, yêu cầu ông Lê Tuấn A có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để ông Lê Tuấn A trả nợ, tuy nhiên đến nay vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, nay Ngân hàng, Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu ông Lê Tuấn A phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày tạm tính đến ngày 13/9/2025 tổng số tiền 125.177.332 đồng. Trong đó: Dư nợ gốc: 67.479.094 đồng, Lãi quá hạn: 57.698.238 đồng.

Đến ngày xét xử sơ thẩm 30/9/2025, Ngân hàng TMCP S yêu cầu ông Lê Tuấn A thanh toán gốc và lãi là 126.600.946 đồng (Bằng chữ: Một trăm hai mươi sáu triệu, sáu trăm nghìn, chín trăm bốn mươi sáu đồng). Trong đó: Dư nợ gốc: 67.479.094 đồng; Lãi quá hạn: 59.121.852 đồng

Ông Lê Tuấn A có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 01/10/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Đối với bị đơn ông Lê Tuấn A, đã được Tòa án Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, ông Lê

Tuấn A không có mặt. Ông Lê Tuấn A phải chịu hậu quả do không có mặt và không giao nộp chứng cứ chứng minh thì Tòa án giải quyết vụ việc theo những chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ việc theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8-Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 30, Điều 35, Điều 39 về thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng, chấp hành đúng thời hạn gửi các văn bản tố tụng và hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng Bị đơn vắng mặt không tham gia giải quyết vụ án nên chưa thực hiện đúng nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục xét xử vắng mặt:

Đại diện ủy quyền lại của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, hợp lệ; Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin vắng mặt của đại diện ủy quyền của nguyên đơn theo khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bị đơn ông Lê Tuấn A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 và Điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

2.1 Nguyên đơn khởi kiện ông Lê Tuấn A thanh toán nợ từ hợp đồng Tín dụng, đây là tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng Dân sự.

2.2 Tại thời điểm bị đơn ông Lê Tuấn A ký hợp đồng với Ngân hàng TMCP S thì địa chỉ ghi trong “Giấy đề nghị cấp thẻ Tín dụng kèm hợp đồng” ngày 22/11/2019 thể hiện địa chỉ 77/7 Khu phố 3, Thị trấn Hóc Môn, huyện Hóc Môn, nay là xã Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a, b khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, thẩm quyền thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, nay là Tòa án nhân dân Khu vực 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

3.1 Xét yêu cầu của nguyên đơn; Hội đồng xét xử thấy rằng:

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ Tín dụng bị đơn ông Lê Tuấn A ký ngày 22/11/2019, xác định giữa Ngân hàng và chủ thẻ ông Lê Tuấn A có thỏa thuận về việc cấp và sử dụng thẻ Tín dụng với hạn mức sử dụng mong muốn là 60.000.000đồng và lãi suất trong hạn, quá hạn, phí theo bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ Tín dụng của Ngân hàng là một phần không thể tách rời của Giấy đề nghị cấp Thẻ Tín dụng. Việc thỏa thuận giữa các đương sự phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 91 Luật các Tổ chức Tín dụng nên có giá trị pháp lý, làm phát sinh các quyền và nghĩa vụ của các bên.

3.2 Tại bản tự khai ngày 30/9/2025; đại diện ủy quyền lại của Ngân hàng yêu cầu ông Lê Tuấn A phải thanh toán khoản nợ tổng số tiền toán gốc và lãi là 126.600.946 đồng (Bằng chữ: Một trăm hai mươi sáu triệu, sáu trăm nghìn, chín trăm bốn mươi sáu đồng). Trong đó: Dư nợ gốc: 67.479.094 đồng; Lãi quá hạn: 59.121.852 đồng tính đến ngày xét xử sơ thẩm và ông Lê Tuấn A có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 01/10/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng; Căn cứ vào bản sao kê chi tiết tính lãi của ông Lê Tuấn A có số thẻ 436438-0925, trong quá trình sử dụng thẻ ông Tuấn A đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng yêu cầu ông Lê Tuấn A trả số tiền gốc theo Hợp đồng Tín dụng là có cơ sở chấp nhận.

3.3 Về Lãi suất: Xét các bên thỏa thuận lãi suất tại Bản điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ Tín dụng của Ngân hàng là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức Tín dụng năm 2010 như sau: “..Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”.

[4] Về phía bị đơn ông Lê Tuấn A được Tòa án tổng đạt, niêm yết và thông báo kết quả hòa giải, tiếp cận công khai chứng cứ nhưng vắng mặt không có lý do, nên phải chịu hậu quả do không có mặt và không giao nộp chứng cứ chứng minh thì Tòa án giải quyết vụ việc theo những chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ việc theo Khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015. Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định: *“Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”*.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, nguyên đơn không phải chịu án phí

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 357; 463; 466; 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật tổ chức tín dụng năm 2010;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn Thương Tín.

Buộc ông Lê Tuấn Anh phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền là gốc và lãi là 126.600.946 đồng (Bằng chữ: Một trăm hai mươi sáu triệu, sáu trăm nghìn, chín trăm bốn mươi sáu đồng). Trong đó: Dư nợ gốc: 67.479.094 đồng; Lãi quá hạn: 59.121.852 đồng tính đến ngày xét xử sơ thẩm

Kể từ ngày 01/10/2025 cho đến khi thi hành xong, ông Lê Tuấn A tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên cho đến khi thanh toán xong số nợ cho Ngân hàng TMCP S.

2. Về án phí Dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Tuấn A phải chịu 6.330.047 (sáu triệu ba trăm ba mươi ngàn không trăm bốn mươi bảy đồng).

Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.289.920đ (hai triệu hai trăm tám mươi chín ngàn chín trăm hai mươi đồng) theo biên lai số 0016824 ngày 08/10/2024 tại Cục Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành các khoản tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND. Tp HCM;
- Cục THADS. TpHCM;
- Phòng KTNV. TATp HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thúy Nga

